

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Đức

Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:123/2022/QĐXX-ST ngày 6/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2022/QĐST- HNGĐ ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động ở nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị L ở Việt Nam: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị L kết hôn ngày 28/4/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh và chị L có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở thôn Đ, xã T,

huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2021, chị L làm thủ tục xuất cảnh sang nước ngoài. Hiện chị L đang cư trú và lao động ở Đài Loan, do tính tình của hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế hàng ngày nên vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Hiện nay anh và chị L đã sống ly thân, vợ chồng cũng đã cắt đứt quan hệ tình cảm từ khi chị L xuất cảnh đi nước ngoài. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình và địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệp C, sinh ngày 27/03/2018. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Chi cho anh nuôi dưỡng, về cấp dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, anh Nguyễn Văn H trình bày do bận công việc anh xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn Chị Đỗ Thị L không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 20/4/2022 và 06/6/2022, bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ chị L cung cấp: Chị Đỗ Thị L hiện nay đang lao động, cư trú ở Đài Loan. Chị Đỗ Thị L và vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm gia đình qua điện thoại, gia đình bà có thông báo cho chị L biết về việc anh Nguyễn Văn H có đơn xin ly hôn, chị L cũng đồng ý ly hôn. Gia đình bà đã nhiều lần hỏi về địa chỉ cụ thể thì chị L không cho biết nên bà không cung cấp được cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Đỗ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Văn H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Đỗ Thị L không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị L. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị L là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28,

khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Đỗ Thị L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Diệp C, sinh ngày 27/03/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn chị Đỗ Thị L. Theo Công văn trả lời số 8769/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 04/5/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị Đỗ Thị L xuất cảnh 05 lần, xuất cảnh lần gần đây nhất là ngày 29/3/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị L được xác định là đang ở nước ngoài. Ngoài ra, lời khai của nguyên đơn anh H, bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ chị L xác định được nơi cư trú cuối cùng của chị L ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh H, chị L đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án về “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” có một bên đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

Đối với bị đơn Chị Đỗ Thị L vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã lập biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị L là bà Nguyễn Thị M để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà Miêng thông báo cho chị L biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn H và Chị Đỗ Thị L. Bà M cho biết chị L vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị L không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị L tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị L kết hôn ngày 28/04/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị L chung sống hòa thuận. Đến năm 2019 thì chị L đi lao động nước ngoài. Hiện nay chị L vẫn ở nước ngoài. Do hai vợ chồng sống cách xa nhau, không có sự thăm hỏi chăm sóc nhau nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Như vậy, xác định vợ chồng anh H, chị L không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, xử cho anh H và chị L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Anh H và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệp C, sinh ngày 27/3/2018. Hiện nay cháu C đang sinh sống cùng anh H. Ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Diệp C.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị L đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị L từ khi đi nước ngoài thì cháu C vẫn do anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh H, giao anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Diệp C đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Đỗ Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Đỗ Thị L về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Đỗ Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Diệp C, sinh ngày 27/03/2018 cho anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Đỗ Thị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Chị Đỗ Thị L được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000371 ngày 15/04/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Đỗ Thị L đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

